

Bản án số: 03/2025/DS-ST

Ngày 17 tháng 7 năm 2025

V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hải Đăng.

2. Ông Thân Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tùng - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Bắc Ninh.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thanh Lâm.

Ngày 17/7/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 114/2025/TLST-DS ngày 01/7/2025 (Thụ lý số 23/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh Bắc Giang cũ) về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2025/QĐXXST-DS ngày 09/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2025/QĐST-DS ngày 27/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn YT, xã TH, huyện YT, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn YT, xã YT, tỉnh Bắc Ninh).

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971 (vắng mặt).

2. Ông Hoàng Văn B, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Bản TM, xã ĐT, huyện YT, tỉnh Bắc Giang (nay là bản TM, xã XL, tỉnh Bắc Ninh).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn YT, xã TH, huyện YT, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn YT, xã YT, tỉnh Bắc Ninh).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, Ông Nguyễn Quốc H trình bày:

Gia đình ông có kinh doanh thức ăn chăn nuôi. Do có mối quan hệ quen

biết nên ông có bán cám để gia đình bà T chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình. Ông bắt đầu bán cám cho gia đình bà T từ khoảng đầu năm 2012 đến tháng 8/2012 thì hai bên không mua bán nữa. Khi mua bán các bên thỏa thuận hết lúa chăn nuôi (khoảng 03-04 tháng) thì gia đình bà T phải trả ông toàn bộ tiền cám đã mua. Sau khi chốt sổ ngày 19/9/2013 gia đình bà T còn nợ vợ chồng ông số tiền là 128.120.000 đồng. Sau đó, bà T có trả một số lần, đến nay còn nợ lại là 48.120.000 đồng. Nay ông yêu cầu Bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Văn B phải trả cho vợ chồng ông số tiền gốc làm tròn là 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng); tiền lãi tính từ ngày 19/9/2013 đến ngày 19/02/2025 theo mức 0,83%/tháng x 137 tháng, ông làm tròn là 54.580.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 102.700.000 đồng (Một trăm linh hai triệu bảy trăm nghìn đồng). Ông yêu cầu bà T và ông B phải tiếp tục trả lãi cho ông theo quy định của pháp luật kể từ ngày 20/02/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

* Tại bản khai ngày 15/7/2025, Ông H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện: Ông Yêu cầu bà T, ông B phải trả lãi cho ông theo mức 0,75%/tháng, tính từ ngày 19/9/2013 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ nhưng trừ đi số tiền 16.000.000 đồng tiền lãi bà T đã thanh toán bào ngày 16/3/2025.

* *Tại bản tự khai Bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà là vợ của Ông Nguyễn Quốc H. Gia đình bà kinh doanh thức ăn chăn nuôi. Do có mối quan hệ quen biết nên vợ chồng bà có bán cám cho gia đình Bà Nguyễn Thị T để chăn nuôi nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình. Vợ chồng bà bắt đầu bán cám cho gia đình bà T từ năm 2012 đến tháng 8 năm 2012 thì hai bên không mua bán gì nữa. Khi mua bán vợ chồng bà và bà T thỏa thuận hết lúa chăn nuôi khoảng 3 đến 4 tháng thì bà T phải trả toàn bộ số tiền cám đã mua. Vào ngày 19/9/2013 thì gia đình bà và bà T chốt sổ, vợ chồng bà T còn nợ số tiền là 128.120.000 đồng. Sau đó bà T có trả cho vợ chồng bà nhiều lần, tính đến ngày 19/01/2023 thì số tiền còn nợ là 48.120.000 đồng. Đến ngày 16/3/2025 sau khi bà T và ông B biết được sự việc vợ chồng bà khởi kiện thì bà T và ông B đã chuyển qua tài khoản trả cho vợ chồng bà số tiền lãi là 16.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu vợ chồng bà T và ông B phải trả cho vợ chồng bà số tiền gốc là 48.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 19/9/2013 đến khi trả hết nợ theo mức lãi xuất 0,75%/tháng có khấu trừ vào khoản tiền lãi 16.000.000 đồng mà bà T, ông B đã gửi chuyển trả cho vợ chồng bà ngày 16/3/2025.

* Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng Bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Văn B không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà L đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị

đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YT đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 BLTTDS năm 2015; Điều 275, Điều 288, khoản 2 Điều 357, Điều 430, Điều 431, Điều 433, Điều 440, Điều 444, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Quốc H: Buộc Bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Văn B phải liên đới trả số tiền 83.096.000 đồng cho Ông H, bà L. Trong đó: Số tiền gốc mua cầm còn nợ là 48.000.000 đồng; số tiền lãi tính từ ngày 19/9/2013 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0,75%/tháng = 51.096.000 đồng -16.000.000 đồng (bà T trả vào ngày 16/3/2025) = 35.096.000 đồng.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Văn B phải liên đới chịu 4.154.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] . Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông H khởi kiện bà T, ông B yêu cầu trả tiền mua cầm còn nợ nên đây là quan hệ pháp luật về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Bà T, ông B có địa chỉ cư trú tại bản TM, xã ĐT (nay là bản TM, xã XL, tỉnh Bắc Ninh) nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 3, Điều 4 và Phục lục kèm theo của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3-Bắc Ninh.

Tại phiên tòa, Bà Nguyễn Thị L vắng mặt nhưng đã có đơn xin vắng mặt, Bà Nguyễn Thị T, ông Hoàng Văn B vắng mặt lần thứ hai, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T, ông B và Bà L.

Về việc chấp hành pháp luật: Ông Nguyễn Quốc H và Bà Nguyễn Thị L chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bà Nguyễn Thị T, ông Hoàng Văn B chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về áp dụng pháp luật: Giao dịch dân sự thực hiện vào năm 2013, hiện nay đang được thực hiện, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Quốc H về việc yêu cầu Bà Nguyễn Thị T, ông Hoàng Văn B trả nợ, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về nghĩa vụ trả nợ: Căn cứ vào các tài liệu do Ông H cung cấp và lời khai của Ông H, Bà L xác định: Ông H bán cám cho bà T, ông B để chăn nuôi gà phát triển kinh tế gia đình từ năm năm 2012 đến tháng 8 năm 2012 thì hai bên không mua bán nữa. Đến ngày 19/9/2013 hai bên chốt nợ bà T, ông B còn nợ Ông H số tiền gốc là 128.120.000 đồng. Sau đó bà T có trả cho vợ chồng Ông H nhiều lần, tính đến thời điểm ngày 19/01/2023 bà T còn nợ vợ chồng Ông H số tiền mua cám là 48.120.000 đồng. Vợ chồng bà T không có ý kiến phản đối, không đưa ra tài liệu chứng cứ chứng minh; Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của Ông H, Bà L phù hợp với tài liệu là bản gốc Hợp đồng mua bán hàng trả chậm ngày 23/9/2011. Ông H, Bà L chỉ yêu cầu đòi số tiền 48.000.000 đồng, đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà T và ông B, hàng hóa được mua bán là cám chăn nuôi để phục vụ phát triển kinh tế gia đình nên xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng. Do đó đủ cơ sở buộc bà T, ông B phải trả cho Ông H, Bà L số tiền còn nợ là 48.000.000 đồng.

- Về yêu cầu tính lãi của Ông H: Theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 430 của Bộ luật dân sự thì: *“1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng; 3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này”*. Bà T và ông B đã ngừng mua cám với Ông H vào tháng 8/2012. Theo thỏa thuận của các bên thì bà T và ông B phải thanh toán trả tiền còn nợ cho Ông H sau khoảng 03 đến 04 tháng (vào khoảng tháng 11 hoặc tháng 12/2012). Tại bản khai ngày 15/7/2025 và phiên tòa, Ông H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu tính lãi từ ngày 19/9/2013 với mức 0,75%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Số tiền lãi bà T, ông B phải trả cho Ông H, Bà L là: 48.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 141 tháng 28 ngày = 51.096.000 đồng. Bà T đã trả số tiền lãi 16.000.000 đồng vào ngày 16/3/2025 nên số tiền lãi phải trả là 35.096.000 đồng.

[3]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Quốc H được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu tiền án phí. Bà Nguyễn Thị T, ông Hoàng Văn B phải chịu án phí theo quy định khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 244; khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 271; Điều 273; Điều 147, Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ quy định tại Điều 27; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ quy định tại Điều 288; Điều 430; Điều 434; Khoản 3 Điều 440; Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc Bà Nguyễn Thị T, ông Hoàng Văn B phải trả cho Ông Nguyễn Quốc H và Bà Nguyễn Thị L số tiền gốc là 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng), tiền lãi tính đến ngày 17/7/2025 là 35.096.000 đồng (ba mươi lăm triệu không trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về tiền án phí: Ông Nguyễn Quốc H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ông Nguyễn Quốc H số tiền 2.567.000 đồng (Hai triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001938 ngày 04/3/2025 do Chi cục thi hành án dân sự huyện YT (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Bắc Ninh) thu.

Bà Nguyễn Thị T, ông Hoàng Văn B phải liên đới chịu 4.158.000 đồng (Bốn triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 3;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 3;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Trang